TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2022/HS-ST
Ngày: 31-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:*** Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại

2/ Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2022/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**

Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không có.

Sinh năm 1996 tại tỉnh TG.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12.

Nghề nghiệp: Không.

Họ tên cha: Nguyễn Minh T, sinh năm: 1968 (đã chết).

Họ tên mẹ: Nguyễn Kim N, sinh năm: 1975, nghề nghiệp: Công nhân.

Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2005, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Cùng đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tuy nhiên bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, ngày 10/7/2022 bị bắt tạm giữ, đến ngày 13/7/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ **Phạm Lý Chí T**, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

2/ **Phan Văn Hoài B,** sinh năm: 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TH, huyện TT, tỉnh LA.

3/ **Mai Nguyễn Huy T**, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

4/ **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

5/ **Võ Thị D**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 592 Hương lộ 14, phường PTH, quận TP, thành phố HCM.

6/ **Nguyễn Quang Th**, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/32 tổ 2 ấp 2, xã TQT, huyện BC, thành phố HCM.

7/ **Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

8/ **Châu Anh T**, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã PT, thành phố MT, tỉnh TG.

9/ **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

10/ **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

11/ **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BQ, xã BP, huyện CL, tỉnh TG.

12/ **Nguyễn Minh D**, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL2, huyện TP, tỉnh TG.

13/ **Thái Thị Hồng V**, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

14/ **Bùi Văn T**, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG.

15/ **Tăng Hán K**, sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 963 NT, phường 14, quận 5, thành phố HCM.

16/ **Nguyễn Kim Ng**, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Minh T là nhân viên tư vấn khách hàng cho các công ty tài chính. Do có ý định in scan làm giả các tài liệu, giấy tờ để lập tài khoản chơi game và lập hồ sơ cho khách hàng vay tiền tại các tổ chức tín dụng, bị cáo liên hệ mua máy in màu, máy ép nhựa và mực in bố trí tại nhà của bị cáo tọa lạc ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

Đến ngày 29/10/2021, lực lượng Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phối hợp với Công an xã TP tiến hành kiểm tra hành chính tại hộ Nguyễn Minh T, phát hiện bị cáo có dấu hiệu làm giả giấy chứng minh nhân dân và các loại giấy tờ khác.

Vật chứng, đồ vật thu giữ:

- 01 (một) máy in màu có chữ PIMAX, 04 lọ mực in và 01 (một) máy ép nhựa có chữ PFS.

- 01 (một) con dấu công ty TNHH túi xách S VN, TG. T khai nhận do người bạn tên T (không rõ họ, ở huyện BL, tỉnh LA) đưa cho bị cáo sử dụng.

- 05 (năm) thẻ ngân hàng (chưa kích hoạt) (có 02 thẻ của bị cáo, các thẻ còn lại do những người thế chấp mượn tiền của bị cáo bỏ lại).

- 04 (bốn) thẻ nhân viên mang tên Nguyễn Minh T, 04 điện thoại di động các loại và 02 (hai) thẻ sim trắng là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án.

- 08 (tám) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, sản phẩm tại Mcredit do công ty tài chính Mcredit cung cấp cho bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành ra quyết định chuyển các vật chứng, đồ vật trên đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý, chờ xử lý theo quy định.

Ngoài ra, còn thu giữ:

- 05 (năm) giấy chứng minh nhân dân và 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe in bằng phương pháp scan màu.

- 06 (sáu) giấy chứng minh nhân dân mang tên: Phan Văn Hoài B, Nguyễn Thế V, Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh T, Bùi Trần T, không có mặt sau; chứng minh nhân dân cấp ngày 06/5/2020 không có mặt trước.

- 02 (hai) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn S.

- 01 (một) giấy đăng ký xe, 01 giấy kiểm định xe và giấy bảo hiểm xe ô tô biển số 54S-6313.

- 07 (bảy) đơn xin xác nhận bảng lương có đóng dấu tròn của công ty S.

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thế V và công ty S.

- 01 (một) phụ lục hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Xuân T và công ty S, do T đưa cho bị cáo.

- 10 (mười) trang giấy Sổ hộ khẩu gia đình in scan màu và 06 sổ hộ khẩu gia đình bản photo của các chủ hộ: Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị N, Trần Kim A.

Các vật chứng trên là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, lưu theo hồ sơ vụ án.

Kết luận giám định số 1124/KTHS- Đ2 ngày 27/12/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Phôi in các giấy chứng minh nhân dân số 312241886, họ tên: Bùi Văn T, sinh ngày: 16-11-1993, nơi ĐKHK thường trú: ấp LHB, LĐ, CT, TG, không có mặt sau; số 312361259, họ tên: Mai Nguyễn Huy T, sinh ngày: 31-07-1998, nơi ĐKHK thường trú: TH, TP, CT, TG, không có mặt sau; số 321528716, họ tên: Huỳnh Minh T, ghi ngày 22/04/20...4; số 312313444, họ tên: Phạm Lý Chí T, sinh ngày: 24-06-1996, nơi ĐKHK thường trú: ấp MH, TP, CT, TG, không có mặt sau; số 312361259, họ tên: Mai Nguyễn Huy T, sinh năm: 1998, nơi ĐKHK thường trú: TH, TP, CT, TG, không có mặt sau (ký hiệu từ A1 đến A5); giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036775, tên chủ xe Mai Nguyễn Huy T, địa chỉ: TH, TP-CT-TG, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Đen, biển số đăng ký: 63B3-937.37, số máy: KF41E1825090, số khung: 4116KK822597, cấp tháng 03/2020 và

giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077317, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1977, địa chỉ: TH, TP, huyện CT, tỉnh TG, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Xanh Nâu Bạc, biển số đăng ký: 63B3-987.26, số máy JF86E5249461, số khung: 583XLZ519698, cấp ngày 13/10/2020 (ký hiệu A6 và A7) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu. Hình dấu tròn không rõ nội dung; chữ ký mang tên Nguyễn Văn H trên tài liệu ký hiệu A3 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu. Hình dấu tròn không rõ nội dung, chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn C - Phó trưởng Công an huyện CT trên tài liệu ký hiệu A6, A7 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Phôi in giấy chứng minh nhân dân số 310868173, họ tên: Nguyễn Minh T, sinh ngày: 1968, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG, cấp ngày 06/01/2010 (ký hiệu A8) so với mẫu phôi in giấy chứng minh nhân dân tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG" trên tài liệu ký hiệu A8 so với mẫu hình dấu tròn có cùng nội dung lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một con dấu đóng ra; hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Chí P trên trên tài liệu ký hiệu A8 so với mẫu hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Chí P – Nguyên Giám đốc Công an tỉnh Tiền Giang, lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là được đóng ra từ một con dấu; giấy chứng minh nhân dân ký hiệu A8 không có ảnh.

- Phôi in chứng minh nhân dân số 321045550, họ tên: Nguyễn Minh D, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TB, xã TL2, huyện TP, tỉnh TG, cấp ngày 02/03/2018 (ký hiệu A9) so với mẫu phôi in giấy chứng minh nhân dân lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG trên tài liệu ký hiệu A9 so với mẫu hình dấu tròn có cùng nội dung lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một con dấu đóng ra; hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Hữu T trên trên tài liệu ký hiệu A9 so với mẫu hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Hữu T – Nguyên Giám đốc Công an tỉnh Tiền Giang, lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là được đóng ra từ một con dấu; giấy chứng minh nhân dân ký hiệu A9 không có ảnh; có dấu vết cắt, sửa chữa nội dung tại vị trí "Sinh ngày…." trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9. Không xác định được nội dung nguyên thủy.

- Phôi in giấy chứng minh nhân dân số 301816735, họ tên: Phan Văn Hoài B, sinh ngày: 24-4-2003, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TB , xã TH, huyện

TT, tỉnh LA, cấp ngày 12/4/2018 (ký hiệu A10) so với mẫu phôi in giấy chứng minh nhân dân lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; giấy chứng minh nhân dân ký hiệu A10 không có ảnh.

- Phôi in giấy chứng minh nhân dân số 321028973, họ tên: Nguyễn Thế V, sinh ngày: 29-4-1991, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã PT, huyện CT, tỉnh BT, cấp ngày 22/10/2010 (ký hiệu A11) so với mẫu phôi in giấy chứng minh nhân dân lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; có dấu vết dán, sửa chữa nội dung tại dòng "Sinh ngày 29-4-1991" trên trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11, nội dung nguyên thủy được xác định là "Sinh năm 1982"; giấy chứng minh nhân dân ký hiệu A11 đã bị thay ảnh.

- Phôi in mặt trước giấy chứng minh nhân dân số 312448637, họ tên: Bùi Trần T, sinh ngày: 04-01-2000, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp LHA, xã BL, huyện CT, tỉnh TG, không có mặt sau (ký hiệu A12) so với mẫu phôi in giấy chứng minh nhân dân lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; giấy chứng minh nhân dân ký hiệu A12 đã bị thay ảnh.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG"; hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Văn N – Giám đốc CA tỉnh Tiền Giang trên mặt sau giấy chứng minh nhân dân cấp ngày 06/05/2020 (ký hiệu A13) là thật hay giả do hình dấu tròn, hình dấu chữ ký bị mờ, nhòe không rõ đặc điểm.

- Phôi in giấy phép lái xe số số U633858, họ tên Nguyễn Minh T, năm sinh 1968, nơi cư trú: ấp TH, xã PT, huyện CT, tỉnh TG, cấp ngày 14/01/2005 (ký hiệu A14) so với mẫu phôi in giấy phép lái xe lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM – TỈNH TIỀN GIANG – SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI" trên tài liệu ký hiệu A14 so với mẫu hình dấu tròn có cùng nội dung lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một con dấu đóng ra; chữ ký mang tên Nguyễn Thị Minh T trên tài liệu ký hiệu A14 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Minh T trên tài liệu mẫu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một người ký ra; giấy phép lái xe ký hiệu A14 đã bị thay ảnh.

- Phôi in giấy phép lái xe số M449482, họ tên Nguyễn Văn S, năm sinh 1953, nơi cư trú: ấp BQ, xã BP, huyện CL, tỉnh TG, cấp ngày 15/07/2003 (ký hiệu A15) so với mẫu phôi in giấy phép lái xe lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ

NGHĨA VIỆT NAM – TỈNH TIỀN GIANG – SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên tài liệu ký hiệu A15 so với mẫu hình dấu tròn có cùng nội dung lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một con dấu đóng ra; chữ ký mang tên Nguyễn VS trên tài liệu ký hiệu A15 so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn S trên tài liệu mẫu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một người ký ra; giấy phép lái xe ký hiệu A15 không có ảnh.

- Phôi in giấy đăng ký xe ô tô số A0275952, họ tên Võ Thị D, nơi thường trú: 592 Hương lộ 14 Phú T Hòa TP, nhãn hiệu: HUYNDAI, số máy: D4BBV-351349, số khung XKN7BPYU-075528, biển số đăng ký 54S-6313; cấp ngày 08/10/2004 (ký hiệu A16) so với mẫu phôi in giấy đăng ký xe ô tô lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in; hình dấu tròn có nội dung “C H X H CN VIỆT NAM – CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu ký hiệu A16 so với mẫu hình dấu tròn có cùng nội dung lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một con dấu đóng ra; chữ ký mang tên Thượng tá Võ Văn V trên tài liệu ký hiệu A16 so với chữ ký mang tên Thượng tá Võ Văn V trên tài liệu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là do cùng một người ký ra.

- Phôi in giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD2107056, biển đăng ký 54S-6313, loại phương tiện: ô tô tải (thùng kín), số máy: D4BBV-351349, số khung: KMFXKN7BPVU-075528, cấp ngày 29/4/2020 (ký hiệu A17) so với mẫu phôi in giấy chứng nhận kiêm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự là có cùng phương pháp in.

- Không đủ cơ sở kết luận giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô ký hiệu A18 là thật hay giả.

Tại công văn số 0109-2022/CVSIMONE ngày 05/9/2022, công ty TNHH túi xách S Việt Nam, Tiền Giang phản hồi: Qua quá trình rà soát lại việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu và tài sản tại công ty S, công ty không bị mất hay thất lạc con dấu, con dấu vẫn được lưu giữ tại công ty. Hiện tại công ty vẫn không bị thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, việc tự tạo hồ sơ vay tiền bằng hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động giả có tên của công ty TNHH túi xách S Việt Nam, TG và xác nhận bằng con dấu của công ty đã làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty. Vì vậy, yêu cầu Cơ quan điều tra xử lý đối tượng làm giả hồ sơ, tài liệu của công ty theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận đã làm giả 17 tài liệu gồm: giấy chứng minh nhân dân số 312241886, họ tên Bùi Văn T, không có mặt sau; giấy chứng minh nhân dân số 312361259, họ tên Mai Nguyễn Huy T không có mặt sau; giấy chứng minh nhân dân số 321528716, họ tên Huỳnh Minh T, ghi ngày 22/04/2004; giấy chứng minh nhân dân số 312313444, họ tên Phạm Lý Chí T, không có mặt sau; giấy chứng minh nhân dân số 312361259, họ tên Mai Nguyễn Huy T, sinh năm: 1998, không có mặt sau; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036775, tên chủ xe Mai Nguyễn Huy T, biển số đăng ký 63B3-937.37; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077317, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim N; giấy chứng minh nhân dân số 321028973, họ tên Nguyễn Thế V; giấy chứng minh nhân dân số 312045550, họ tên Nguyễn Minh D; 07 (bảy) đơn xin xác nhận bảng lương mang tên Nguyễn Minh D; Châu Anh T; Nguyễn Quang T; Nguyễn Thanh H; Nguyễn Thanh S và 01 (một) hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thế V và công ty S.

Các giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T, Mai Nguyễn Huy T, Huỳnh Minh T, Phạm Lý Chí T, Nguyễn Minh D, Nguyễn Thế V; giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Mai Nguyễn Huy T và Nguyễn Thị Kim N mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo được tạo ra bằng cách sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung J7 (đã bán cho người khác, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) vào phần mềm chỉnh sửa thông tin cá nhân, hình ảnh của chủ giấy rồi kết nối với máy in màu hiệu Pixma mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, sau đó sử dụng giấy A4 làm phôi in ra số giấy chứng minh nhân dân nêu trên. Riêng 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh D và Nguyễn Thế V là giấy thật nhưng bị cáo dùng lưỡi lam gỡ ép nhựa lấy hình ảnh của chủ giấy ra rồi dán ảnh của bị cáo vào, ngày tháng năm sinh trên chứng minh nhân dân của D và V thì dùng lưỡi lam cạo sửa thông tin rồi cắt dán ngày tháng năm sinh vào.

Đối với 07 (bảy) đơn xin xác nhận lương, bị cáo làm cho khách hàng để vay tiền tại các công ty tài chính. Bị cáo lên mạng tìm kiếm mẫu xác nhận bảng lương rồi tải về điền thông tin của khách hàng vào rồi dùng dấu tròn của công ty TNHH túi xách S, TG và công ty TNHH sản xuất thương mại TNN (tọa lạc tại huyện BL, tỉnh LA) đóng dấu xác nhận. Chữ ký và tên của người xác nhận là do bị cáo tự ký tên. Con dấu của công ty TNHH và sx TNN, T khai được T cho để sử dụng và đã bị thất lạc.

Qua xác minh, ông Tăng Hán K, sinh năm 1956, đăng ký thường trú: 963

NT, Phường 14, Quận 5, thành phố HCM (là giám đốc công ty TNHH và sản xuất TNN, tọa lạc ấp 3, xã AT, huyện BL, tỉnh LA) xác định quá trình hoạt động của công ty từ khi thành lập vào năm 2005 đến nay, công ty không bị mất hay thất lạc con dấu. Con dấu công ty được đăng ký tại Công an tỉnh Long An có M.S.D.N: 1100521738 và do ông K trực tiếp quản lý. Đối với trường hợp 02 đơn xin xác nhận bảng lương mang tên Nguyễn Quang T có đóng dấu xác nhận của công ty TNN do Đặng Hoàng Q và Nguyễn Hoàng Q ký tên xác nhận, thì ông K khẳng định là giấy giả do công ty của ông K không có người tên Đặng Hoàng Q và Nguyễn Hoàng Q phụ trách nhân sự. Ông K chưa từng xác nhận bảng lương cho công nhân Nguyễn Quang T. Qua sự việc trên ông K yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật để không làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty TNN.

Hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thế V, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp 3, xã PT, huyện CT, tỉnh BT với công ty TNHH túi xách S VN, TG là do bị cáo giả chữ ký của tổng giám đốc công ty S rồi đóng dấu tròn của công ty S để xác nhận, mục đích để làm thủ tục vay tiền cho Nguyễn Thế V.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Lý Chí Th (sinh năm 1996, đăng ký thường trú: ấp MH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG) trình bày: T là bạn bè quen biết ngoài xã hội với bị cáo, bị cáo đã sử dụng thông tin cá nhân, chứng minh nhân dân và hình ảnh cá nhân của T để mở tài khoản vay tiền online. Tổng cộng bị cáo đã vay tiền 03 lần vào tháng 6, tháng 7 năm 2021 với số tiền lần lượt là 4.000.000 đồng, 7.000.000 đồng và 8.000.000 đồng trên ngân hàng online. Các lần vay bị cáo đều không trả tiền dẫn đến việc ngân hàng đã điện thoại đòi tiền và quấy rối gia đình T. Qua làm việc, T yêu cầu Cơ quan Công an xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

- Mai Nguyễn Huy T, sinh năm 1998, đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG. Anh T trình bày: cách đây khoảng hơn 01 năm, bị cáo có mượn chứng minh nhân dân của T để làm thủ tục vay tiền nhưng chưa vay được. Sau đó, bị cáo có lấy điện thoại di động chụp hình chứng minh nhân dân của T để làm gì thì không biết. T không có đứng tên sở hữu xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-937.37. Cơ quan Cảnh sát điều tra thông báo cho T biết có thu giữ tại nhà của bị cáo chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-937.37 mang tên Mai Nguyễn Huy T, qua giám định kết luận là giả. Do chưa có thiệt hại gì xảy ra nên anh T không yêu cầu xử lý.

- Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977, đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP,

huyện CT, tỉnh TG trình bày: Trước đây chị N có đưa chứng minh nhân dân cho bị cáo để làm thủ tục vay tiền nhưng sau đó không vay nữa, ngoài chứng minh nhân dân thì chị N không đưa cho bị cáo giấy tờ nào khác. Chị N xác định không có đứng tên sở hữu xe mô tô 02 bánh nào biển số 63B3-987.26. Qua sự việc trên chị N không có yêu cầu khiếu nại gì.

- Võ Thị D, sinh năm 1975, đăng ký thường trú: số 592, Hương lộ 14, phường PTH, quận TP, thành phố HCM. Chị D trình bày: Chị không quen biết với bị cáo, vào đầu năm 2021 chị D bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ cấp ngày 29/4/2020 và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cấp ngày 31/01/2020 của xe ô tô biển số 54S- 6313 trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn Tiền Giang đi thành phố Hồ Chí Minh và đã làm lại số giấy tờ trên. Từ trước đến nay chị D không cung cấp thông tin cá nhân hay giấy tờ tùy thân cho bất kỳ ai để làm thủ tục vay mượn tiền. Đối với số tài liệu thu giữ tại nhà của bị cáo chị D không có yêu cầu gì.

- Nguyễn Quang T, sinh năm 1990, đăng ký thường trú: ấp 2, xã TQT, huyện BC, TP. HCM. T trình bày có quen biết với bị cáo ngoài xã hội. Vào đầu năm 2021, T có cung cấp thông tin cá nhân gồm họ tên, năm sinh, địa chỉ, chứng minh nhân dân và nghề nghiệp của bản thân cho bị cáo để làm hồ sơ vay tiền nhưng không vay được, từ đó đến nay thì không liên lạc với bị cáo. Về trường hợp 02 đơn xin xác nhận lương mang tên Nguyễn Quang T thu giữ tại nhà của bị cáo, anh T yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật do sau khi cung cấp thông tin cá nhân cho bị cáo thì T thường xuyên bị một số đối tượng gọi điện đòi nợ, đe dọa làm ảnh hưởng đến uy tín và công việc của anh T.

- Nguyễn Thanh S, sinh năm 1978, đăng ký thường trú: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh TG. Anh S trình bày: Anh chỉ quen biết với bị cáo ngoài xã hội. Khoảng đầu năm 2021, anh S có cung cấp thông tin cá nhân trên căn cước công dân, địa chỉ và hình ảnh của anh S cho bị cáo để làm thủ tục vay tiền nhưng không vay được. Anh S xác định từ trước đến nay không có làm việc tại công ty S VN, TG. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ đơn xin xác nhận bảng lương mang tên Nguyễn Thanh S tại nhà của bị cáo, anh Sang không có khiếu nại gì.

- Châu Văn T, sinh năm 1985, đăng ký thường trú: ấp PH, xã PT, TP. MT, tỉnh TG trình bày: Anh không quen biết với bị cáo và xác định từ trước đến nay không cung cấp thông tin cá nhân cho bất kỳ ai đế làm thủ tục hồ sơ vay mượn

tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra thông báo có đơn xin xác nhận lương mang tên Châu Văn T thu giữ tại nhà của bị cáo, anh T không có ý kiến gì do chưa có thiệt hại xảy ra.

- Nguyễn Thị N, sinh năm 1973, đăng ký thường trú: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG. Bà Ngà trình bày: Bà có đứng tên chủ hộ đối với sổ hộ khẩu gia đình số 248/4, từ trước đến nay không cung cấp thông tin cá nhân hay sổ hộ khẩu cho bất kỳ ai để làm thủ tục gì và cũng không làm mất mát hay thất lạc sổ hộ khẩu. Qua sự việc Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ sổ hộ khẩu nêu trên tại nhà của bị cáo, do không có thiệt hại nên bà N không có ý kiến gì.

- Nguyễn Văn M, sinh năm 1971, đăng ký thường trú: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG trình bày: Anh không quen biết với bị cáo. Anh M xác định có đứng tên chủ hộ đối với sổ hộ khẩu gia đình số 590188096. Từ trước đến nay anh không cung cấp thông tin cá nhân hay sổ hộ khẩu nêu trên cho bất kỳ người nào để làm thủ tục vay mượn tiền và cũng không bị mất hay thất lạc sổ hộ khẩu. Đối với trang sổ hộ khẩu gia đình scan màu số 590188096 mang tên anh M, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo, do chưa có thiệt hại nên anh M không có khiếu nại gì.

- Nguyễn Văn S, sinh năm 1953, đăng ký thường trú: ấp BQ, xã BP, huyện CL, tỉnh TG. Ông Sa trình bày: Cách đây khoảng 01 năm ông có làm mất giấy tờ tùy thân trong đó có giấy phép lái xe số M449482 cấp ngày 15/7/2003 trên tuyến Quốc lộ 1A hướng Mỹ Tho về Cai Lậy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo cho ông S biết trường hợp có thu giữ tại nhà của bị cáo giấy phép lái xe mang tên ông. Do chưa có thiệt hại và đã làm lại giấy phép lái xe, ông S không có yêu cầu gì.

- Nguyễn Minh D, sinh năm 1991, đăng ký thường trú: ấp TB, xã TL2, huyện TP, tỉnh TG trình bày: Anh không quen biết với bị cáo, từ trước đến nay anh không có cung cấp thông tin cá nhân cho bất kỳ ai để làm thủ tục hồ sơ vay mượn tiền. Tuy nhiên, vào năm 2019 anh D có làm mất giấy chứng minh nhân dân số 312045550, đến ngày 16/4/2020 đã làm lại chứng minh nhân dân. Đến ngày 10/8/2021 thì được cấp Căn cước công dân. Về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh D, số 312045550, cấp ngày 02/3/2018, không có hình ảnh và 02 đơn xin xác nhận lương mang tên Nguyễn Minh D tại nhà của bị cáo, anh D không có ý kiến gì.

- Thái Thị Hồng V, sinh năm 1979, đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP,

huyện CT, tỉnh Tiền G. Chị Vân trình bày: Chị là chị dâu của bị cáo, trước đây chị có đưa sổ hộ khẩu gia đình do chị đứng tên chủ hộ và chứng minh nhân dân mang tên chị cho bị cáo để làm hồ sơ vay tiền nhưng không vay được nên chị V đã lấy lại sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân. Đối với sổ hộ khẩu gia đình scan màu do chị V đứng tên chủ hộ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo, chị V không yêu cầu xử lý.

- Bùi Văn T, sinh năm 1993, đăng ký thường trú: ấp LHB, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG. Anh T trình bày: Anh và bị cáo là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Cách nay khoảng 03 năm, do bị nợ xấu không đứng tên mua xe trả góp được nên bị cáo đã nhờ anh T đứng tên để mua xe và T đã cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bị cáo. Từ đó, đến nay không cung cấp bất kỳ thông tin hay giấy tờ nào cho bị cáo để làm hồ sơ, thủ tục gì khác. Đối với chứng minh nhân dân số 312241886, mang tên Bùi Văn T, không có mặt sau, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại nhà bị cáo, qua giám định là giả. Do chưa có thiệt hại nên anh T không có yêu cầu gì.

- Phan Văn Hoài B, sinh năm 2003, đăng ký thường trú: ấp TB, xã TH, huyện TT, tỉnh LA trình bày: Giấy chứng minh nhân dân số 361816735 là của Bảo, do giám đốc Công an tỉnh Long An cấp ngày 13/01/2020. Bảo xác định từ trước đến nay không có đưa chứng minh nhân dân nêu trên cho ai khác để thực hiện giao dịch, vay mượn. B không còn giữ chứng minh nhân dân nêu trên do vào ngày 24/9/2021 bị ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực y tế và tạm giữ chứng minh nhân dân. Hiện tại B đã được cấp Căn cước công dân và không bị thiệt hại nên không có yêu cầu gì.

- Nguyễn Thế V, sinh năm 1982, đăng ký thường trú: ấp 3, xã PT, huyện CT, tỉnh BT (đã đổi tên thành ấp PH) và Nguyễn Minh T, sinh năm 1968, đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG, qua xác minh tại địa phương ghi nhận anh V đã chết năm 2015, ông T đã xóa đăng ký thường trú vào ngày 13/02/2017 (do ông T đã chết).

- Bùi Trần T, sinh năm 2000, đăng ký thường trú: ấp LHA, xã BL, huyện CT, tỉnh TG và Trần Kim A, sinh năm 1960, đăng ký thường trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh TG, qua xác minh, anh T và bà Kim A có đăng ký thường trú tại xã BL và xã TP, tuy nhiên hiện tại không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ.

- Nguyễn Thị C, sinh năm 1945, đăng ký thường trú: ấp C, xã TP, huyện CT, TG, qua xác minh, bà C sống một mình tại đại phương, hiện tại già yếu, không làm việc được với Cơ quan công an.

- Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/6/1977, đăng ký thường trú: phường 10, TP. MT, tỉnh TG, qua xác minh ghi nhận tại địa phương không có người nào tên H, sinh ngày 06/6/1977.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKSCT ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ vào tình chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) máy in màu có chữ PIXMA; 04 (bốn) lọ mực in; (một) máy ép nhựa có chữ PFS; (một) con dấu công ty TNHH túi xách Simone Việt Nam, Tiền Giang; (một) thẻ ATM Ngân hàng VietinBank, số thẻ 9704 1552 2680 5366 tên PHAM KIM NGOC; (một) thẻ ATM Ngân hàng HD SAIGON, số thẻ 4839 7700 0485 0530 tên NGUYEN DUC THUAN; (một) thẻ ATM Ngân hàng TECHCOMBANK, số thẻ 9704 0788 0834 5728 tên PHAM KIM NGOC; (một) thẻ ATM Ngân hàng ĐÔNG Á, số thẻ 9704 0602 5249 1299 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng MB, số thẻ 9704 2220 8838 8624 tên NGUYEN MINH TRIEU;

Giao trả cho bị cáo: 04 (bốn) thẻ nhân viên mang tên Nguyễn Minh Triều; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 5G màu xanh, model: M2103K19G; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA bàn phím số, màu xanh, số IMEI 1: 352415908923679, IMEI 2: 352415909923678; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel bàn phím số, màu đen, số IMEI 1: 352377069944250, IMEI 2:

3352377069944268; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel bàn phím số, màu tím, số IMEI: 352724100712701, IMEI: 352724100712719; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425300; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425311; 08 (tám) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, sản phẩm tại Mcredit.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo cho rằng do cần tiền để lập tài khoản chơi game và lập hồ sơ cho khách hàng vay tiền tại các tổ chức tín dụng nên bị cáo đã có hành vi làm giả 17 tài liệu gồm: các giấy chứng minh nhân dân, họ tên Bùi Văn T, Huỳnh Minh T, Phạm Lý Chí T, Mai Nguyễn Huy T, Nguyễn Thế V, Nguyễn Minh D; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy chủ xe Mai Nguyễn Huy T, Nguyễn Thị Kim N; 07 (bảy) đơn xin xác nhận bảng lương mang tên Nguyễn Minh D; Châu Anh T; Nguyễn Quang T; Nguyễn Thanh H; Nguyễn Thanh S và 01 (một) hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thế V và công ty S thì bị phát hiện.

Lời khai nhận tội trên của bị cáo đã phù hợp với các lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã tác động đến an toàn công cộng và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Về mặt chủ quan, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm hành vi này bằng chế tài hình sự, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, thiệt hại không lớn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Xử lý vật chứng:

[3.1] Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) máy in màu có chữ PIXMA; 04 (bốn) lọ mực in; 01 (một) máy ép nhựa có chữ PFS. Đây là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[3.2] Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) con dấu công ty TNHH túi xách Simone Việt Nam, Tiền Giang; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VietinBank, số thẻ 9704 1552 2680 5366 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng HD SAIGON, số thẻ 4839 7700 0485 0530 tên NGUYEN DUC THUAN; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng TECHCOMBANK, số thẻ 9704 0788 0834 5728 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng ĐÔNG Á, số thẻ 9704 0602 5249 1299 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng MB, số thẻ 9704 2220 8838 8624 tên NGUYEN MINH TRIEU không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[3.3] Đối với các vật chứng gồm: 04 (bốn) thẻ nhân viên mang tên Nguyễn Minh Triều; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 5G màu xanh, model: M2103K19G; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA bàn phím số, màu xanh, số IMEI 1: 352415908923679, IMEI 2: 352415909923678; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel bàn phím số, màu đen, số IMEI 1: 352377069944250, IMEI 2: 352377069944268; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel bàn phím số, màu tím, số IMEI: 352724100712701, IMEI: 352724100712719; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425300; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425311; 08 (tám) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, sản phẩm tại Mcredit là tài sản cá nhân của bị cáo nên cần trao trả lại cho bị cáo.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trong số tài liệu thu giữ tại nhà của bị cáo gồm Nguyễn Văn S, Châu Văn T, Nguyễn Thị Kim N, Mai Nguyễn Huy T, Nguyễn Minh D, Phan Văn Hoài B, Bùi Văn T, Thái Thị Hồng V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị N, Võ Thị D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **03** (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ thời điểm bắt tạm giữ là ngày 10/7/2022.

2/ Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu ngân sách nhà nước: 01 (một) máy in màu có chữ PIXMA; 04 (bốn) lọ mực in; 01 (một) máy ép nhựa có chữ PFS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dấu công ty TNHH túi xách Simone Việt Nam, Tiền Giang; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VietinBank, số thẻ 9704 1552 2680 5366 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng HD SAIGON, số thẻ 4839 7700 0485 0530 tên NGUYEN DUC THUAN; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng TECHCOMBANK, số thẻ 9704 0788 0834 5728 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng ĐÔNG Á, số thẻ 9704 0602 5249 1299 tên PHAM KIM NGOC; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng MB, số thẻ 9704 2220 8838 8624 tên NGUYEN MINH TRIEU;

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Minh T: 04 (bốn) thẻ nhân viên mang tên

Nguyễn Minh T; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 5G màu xanh, model: M2103K19G; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA bàn phím số, màu xanh, số IMEI 1: 352415908923679, IMEI 2: 352415909923678; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel bàn phím số, màu đen, số IMEI 1: 352377069944250, IMEI 2: 352377069944268; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel bàn phím số, màu tím, số IMEI: 352724100712701, IMEI: 352724100712719; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425300; 01 (một) thẻ sim VIETTEL, loại sim trắng, số seri: 8984048000325425311; 08 (tám) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, sản phẩm tại Mcredit.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2022).

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Công an huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh